

Bản án số: 56/2023/HS-ST
Ngày: 31-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Văn Tâm**

Ông **Thái Ngọc Minh**

- Thư ký phiên tòa: **Hoàng Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Kha Hữu Chí** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Trương Hoài T, sinh ngày 27 tháng 01 năm 1981 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Tổ 8, ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 10/12; con ông **Trương Văn Đ** và bà **Đinh Thị X**; Anh em ruột có 06 người, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1990; vợ **Mai Thị T1**; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Mai Thị T1**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 8, ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Người làm chứng:

1. Ông **Lê Hữu H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Nguyễn Duy Tr, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông Lê Văn X1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

4. Ông Trương Minh Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

5. Ông Trương Văn L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

6. Bà Võ Thị M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

7. Công ty TNHH MTV TM&SX phân bón TM.

Người đại diện: Ông Đặng Hoàng Q1, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: tổ 44, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

8. Công ty cổ phần TG.

Người đại diện: Ông Lý Hùng Ch, chức vụ: Phó Giám đốc.

Địa chỉ: tổ 3, ấp S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

9. Công ty cổ phần KN.

Địa chỉ: Lô 6/13 + 6/15 Khu Công nghiệp P, xã P1, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện: Ông Đinh Huỳnh K, chức vụ: Phó Giám đốc.

10. Công ty TNHH TL

Người đại diện: Ông Nguyễn Hữu Th, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: 68/2 đường số 1, khu phố 3, phường T, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

11. Công ty cổ phần phân bón O.

Người đại diện: Ông Th1, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: tổ 1, ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

12. Công ty TNHH N

Địa chỉ: số 41, đường V1, thành phố C1, tỉnh An Giang.

13. Công ty TNHH sản xuất phân bón TL1.

Người đại diện: Ông Phan Tuấn K1, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: ấp B2, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

14. Công ty cổ phần HN.

Người đại diện: Ông Đinh Văn K2, chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: ấp Đ1, xã K, huyện M, tỉnh An Giang.

15. Công ty TNHH MTV TM&SX phân bón T1.

Địa chỉ: Số 17, ấp H1, xã K1, thành phố X, tỉnh An Giang.

(Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 01 năm 2018, bị cáo Trương Hoài T sinh ngày 27 tháng 01 năm 1981, đăng ký thường trú Tổ 8, ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang đăng ký giấy phép Hộ kinh doanh PT để kinh doanh mua bán xác cá phế phẩm, phân bón; thu gom đất bùn làm nguyên liệu phân bón hữu cơ... (T để cho vợ là Mai Thị T1, sinh năm 1986 cùng nơi cư trú với T làm đại diện hộ kinh doanh). Sau khi có giấy phép kinh doanh, T tiến hành khai thác đất trên các thửa đất của Vợ chồng T và các thửa đất của người dân trên địa bàn mà T chuyển nhượng bằng giấy viết tay nhưng không có giấy phép khai thác đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “đất để làm vật liệu xây dựng” để đem bán. Cụ thể T thuê xe cuốc của ông Lê Hữu H, sinh năm 1981, nơi cư trú: ấp L1, xã C2, huyện C3, tỉnh An Giang để cuốc đất với giá 400.000 đồng/giờ, tại 03 vị trí khai thác đất trái phép thuộc ấp Th và ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang [trong đó, vị trí 1 gần kênh đê bao 4 tại ấp Th, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang thuộc đất của vợ chồng bị cáo T đứng tên, sử dụng (có sổ thừa, sổ tờ bản đồ, diện tích theo 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BR 312237, CE 951607, CE 951731, CQ 277264 và CQ 277267 do vợ chồng T đứng tên sử dụng); vị trí 2 có hình dạng chữ L tại ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang là đất bị can T chuyển nhượng của bà Nguyễn Thi K1 (theo giấy sang nhượng đất viết tay ngày 27/6/2016 giữa bị can T với vợ chồng bà K1 và ông Dương Văn P) và vị trí 3 ở phía sau Công ty ĐN tại ấp Th, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang là đất bị can T chuyển nhượng lại của ông Dương Văn Ch2 (theo giấy mua bán đất viết tay ngày 21/2/2014 và ngày 28/3/2014 giữa bị cáo T

với vợ chồng ông Ch2 và bà Trương Thúy H1)]. T thuê các ông, bà Nguyễn Duy Tr (sinh năm 2000), Lê Văn X1 (sinh năm 1985) và Trương Minh Q (sinh năm 1989 cùng cư trú tại ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang) sử dụng phương tiện (gồm máy cày, máy ủi, máy xới) của bị cáo T để cày, ủi phá mặt bằng, dùng máy xới đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “đất để làm vật liệu xây dựng” lên phơi khô với giá từ 300.000 đồng đến 350.000 đồng/người/ngày; thuê các ông/bà Trương Văn L (sinh năm 1983), Võ Thị M (sinh năm 1984), Nguyễn Văn G (sinh năm 1982), Dương Thanh Ph (sinh năm 1986), Dương Văn P (sinh năm 1981), Phan Thị Mai Lệ H2 (sinh năm 1989), Huỳnh Văn B (sinh năm 1973), Lư Văn K2 (sinh năm 1985), Huỳnh Văn H3 (sinh năm 1986), Huỳnh Văn L1 (sinh năm 1970) và Đặng Việt H4 (sinh năm 1967 cùng cư trú tại ấp Th và ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang) dùng phương tiện đường thủy của họ (trong đó, có phương tiện đường thủy biển kiểm soát AG-15783, trọng tải khoảng 15 tấn có gắn 01 động cơ Diesel D12 của ông Trương Văn L) để vận chuyển đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “đất để làm vật liệu xây dựng” về vị trí bãi tập kết của bị cáo T thuộc ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vị trí bãi tập kết đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “đất để làm vật liệu xây dựng” trên tại bờ kênh R – H1 thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang của ông Trương Văn Đ là cha ruột của bị can Trương Hoài T đứng tên, quản lý) với giá từ 22.000 đồng đến 38.000 đồng/tấn (tùy theo tuyến đường gần, xa) và thuê Mai Chí T2 (sinh năm 1963), Nguyễn Ngọc T3 (sinh năm 1994), Trương Hoài T4 (sinh năm 1973), La Kiều T5 (sinh năm 1975), Đoàn Thị Cẩm H5 (sinh năm 1981) và Trương Thị Thu Tr1 (sinh năm 1977 cùng cư trú tại ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang) cuộc đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “đất để làm vật liệu xây dựng” từ các phương tiện thủy vận chuyển lên vị trí bãi tập kết, điều khiển dây chuyền nghiền đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “đất để làm vật liệu xây dựng”, đưa đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “đất để làm vật liệu xây dựng” xuống các phương tiện đường thủy có trọng tải lớn (sà lan), với tiền công đối với nữ 200.000 đồng/người/ngày và đối với nam 300.000 đồng/người/ngày. Sau khi khai thác được đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “đất để làm vật liệu xây dựng” T lấy danh nghĩa Hộ kinh doanh PT xuất bán số đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “đất để làm vật liệu xây dựng” khai thác trái phép với tên hàng hóa là đất bùn cho 09 Công ty (gồm Công ty Cổ phần TG ở huyện H, tỉnh Kiên Giang; Công ty CP

HN; Công ty TNHH N; Công ty TNHH MTV SX TM DV phân bón T1; Công ty TNHH SX phân bón TL1; Công ty TNHH MTV TM & sản xuất phân bón TM ở tỉnh An Giang; Công ty CP KN ở tỉnh B; Công ty CP phân bón O ở tỉnh Tây Ninh và Công ty TNHH TL ở TP. Hồ Chí Minh) với tổng số lượng 32.660,59 tấn, thu được số tiền 6.550.171.146 đồng (mỗi tấn bị can thu lợi từ 10.000 đồng đến 15.000 đồng), sau khi trừ chi phí bị can thu lợi với số tiền 486.918.579 đồng.

Đến ngày 21/8/2020, khi T tổ chức các đối tượng thực hiện hành vi khai thác, vận chuyển đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “đất để làm vật liệu xây dựng” không có giấy phép tại 03 vị trí đất nêu trên, thuộc ấp Th và ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang cụ thể: Nguyễn Duy Tr, sinh năm 2000 (người trực tiếp điều khiển xe ủi để ủi đất); ông Lê Văn X1, sinh năm 1985 (người trực tiếp điều khiển máy xới để xới đất); ông Trương Minh Q, sinh năm 1989 (người trực tiếp điều khiển máy cày để cày xới đất); ông Trương Văn L, sinh năm 1983 và vợ ông Lê là bà Võ Thị M, sinh năm 1984 (người thực hiện xúc đất từ vị trí bãi khai thác đưa xuống phương tiện đường thủy biển kiểm soát AG-15783 của ông Trương Văn L để vận chuyển về vị trí bãi tập kết). Thì bị Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Kiên Giang phối hợp với cơ quan chức năng bắt quả tang cùng với tang vật 01 xe ủi hiệu MITSUBISHI BD2F màu vàng, 01 máy xới hiệu YAMAR-3T80 màu đỏ và 01 (một) máy cày hiệu ISEKI TS2210, loại 2000, màu xanh của bị can Trương Hoài T; 01 phương tiện đường thủy biển kiểm soát AG-15783, trọng tải khoảng 15 tấn có gắn 01 động cơ Diesel D12 của ông Trương Văn L (tất cả đều đã qua sử dụng, không có giấy tờ gì chứng minh) và 2.073,45 m³ đất (trong đó, 2.044,50 m³ đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “đất để làm vật liệu xây dựng” tại vị trí bãi tập kết của bị can Trương Hoài T và 28,95 m³ đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “đất để làm vật liệu xây dựng” được vận chuyển trên phương tiện đường thủy, biển kiểm soát AG-15783, trọng tải khoảng 15 tấn có gắn 01 động cơ Diesel D12 của ông Trương Văn L) được quy đổi từ m³ sang tấn từ 2.073,45 m³ x 1,27 tỷ lệ quy đổi = 2.633,285 tấn, có giá trị 293.171.518 đồng.

*** Kết quả trưng cầu giám định, định giá tài sản**

Theo kết quả đo đạc số 975 ngày 08/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang xác định đất đã khai thác tại 03 vị trí nêu trên có khối lượng là 76.888,26 m³; đất tại vị trí bãi tập kết của bị can Trương Hoài T có khối lượng là 2.044,50 m³ và đất được vận chuyển trên phương tiện đường thủy của

ông Trương Văn L có khối lượng là 28,95 m³. Ngày 15/10/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang xác định vị trí khai thác khoáng sản nêu trên không nằm trong khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản (than bùn) tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017.

Theo kết luận giám định tư pháp ngày 12/01/2021 của Tổng Cục địa chất khoáng sản Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường kết luận tất cả 04 mẫu vật giám định là đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “Đất, đá làm vật liệu sang lấp”.

Theo kết luận định giá tài sản số 96 ngày 16/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Kiên Giang kết luận khối lượng khoáng sản (đất sét thông thường) đã khai thác, xuất bán cho 09 Công ty trong và ngoài tỉnh với tổng số lượng 35.293,875 tấn, có giá trị 6.843.342.664 đồng. Trong đó, khoáng sản tại vị trí bãi tập kết của bị cáo Trương Hoài T và tại thời điểm bắt quả tang ngày 21/8/2020 với khối lượng quy đổi từ m³ sang tấn từ 2.073,45 m³ x 1,27 tỷ lệ quy đổi = 2.633,285 tấn, có giá trị 293.171.518 đồng và khoáng sản xuất bán cho 09 công ty trong và ngoài tỉnh với số lượng 32.660,59 tấn (giảm 1.512,52 tấn so với yêu cầu định giá do không cung cấp được hóa đơn, chứng từ và chi phí vận chuyển đưa vào hóa đơn, chứng từ tính thành số lượng khoáng sản nên không đủ cơ sở định giá) có giá trị 6.550.171.146 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn về việc làm của mình. Ngày 10/6/2022 bị can nộp 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả theo phiếu thu số 0006444 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can theo quy định tại điểm b, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

*** Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu**

Cơ quan Cảnh sát Điều tra (CSKT) Công an tỉnh Kiên Giang đã thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm:

- (01 (một) xe ủi hiệu MITSUBISHI BD2F, màu vàng; 01 (một) máy xới hiệu YAMAR-3T80, màu đỏ và 01 (một) máy cày hiệu ISEKI TS2210, loại 2000, màu xanh (tất cả đã qua sử dụng, không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hoặc giấy tờ chứng minh chủ sở hữu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

- 05 (năm) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (do vợ chồng bị cáo Trương Hoài T và bà Mai Thị T1 đứng tên chủ sở hữu) gồm:

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BR 312237, tổng số thửa đất 02 (thửa 19 và 19c), tổng diện tích 29282,0m², mục đích sử dụng chuyên trồng lúa nước (trong đó, thửa đất số 19, diện tích 14641 m² và thửa đất số 19c, diện tích 14641 m²) thuộc tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: ấp Th, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang do ông Nguyễn Văn D (sinh năm 1971, nơi cư trú: khu phố Tr, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang) đứng tên chủ sở hữu được UBND huyện H cấp ngày 30/12/2013. Đến ngày 24/01/2019 ông Di chuyển nhượng QSDĐ nêu trên cho vợ chồng bị cáo Trương Hoài T và bà Mai Thị T1 đứng tên chủ sở hữu được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H ký ngày 24/01/2019.

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 951607, diện tích 4501,6 m², mục đích sử dụng chuyên trồng lúa nước, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 133-2016, địa chỉ thửa đất: ấp Th, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang do bị cáo Trương Hoài T đứng tên chủ sở hữu được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 07/3/2017.

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 951731, diện tích 4688,9 m², mục đích sử dụng chuyên trồng lúa nước, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 134-2016, địa chỉ thửa đất: ấp Th, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang do bị cáo Trương Hoài T đứng tên chủ sở hữu được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 07/3/2017.

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 277264, diện tích 12718,3 m², mục đích sử dụng chuyên trồng lúa nước, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 140-2018, địa chỉ thửa đất: ấp Th, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang do vợ chồng bị cáo Trương Hoài T và bà Mai Thị T1 đứng tên chủ sở hữu được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/01/2019.

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 277267, diện tích 22828,6 m², mục đích sử dụng chuyên trồng lúa nước, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 153-2018, địa chỉ thửa đất: ấp Th, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang do bà Mai Thị T1 đứng tên chủ sở hữu được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/01/2019.

- 03 (ba) giấy sang nhượng, mua bán đất viết tay giữa bị cáo Trương Hoài T với các hộ dân bán đất gồm:

+ 01 (một) giấy sang nhượng đất viết tay ngày 27/6/2016 giữa bị cáo Trương Hoài T với vợ chồng bà Nguyễn Thị K1 và ông Dương Văn P.

+ 01 (một) giấy mua bán đất viết tay ngày 21/02/2014 giữa bị cáo Trương Hoài T với ông Dương Văn Ch2.

+ 01 (một) giấy mua bán đất viết tay ngày 28/3/2014 giữa bị cáo Trương Hoài T với vợ chồng ông Dương Văn Ch2 và bà Trương Thúy H1.

Đối với vật chứng là số lượng 2.633,285 tấn đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “Đất để làm vật liệu sang lấp” (trong đó, tại vị trí bãi tập kết có số lượng 2.596,515 tấn và tại thời điểm bắt quả tang ngày 21/8/2020 có số lượng 36,77 tấn) hiện đang để tại vị trí bãi tập kết của bị cáo T thuộc ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Công an tỉnh Kiên Giang đã giao cho bị cáo Trương Hoài T tự bảo quản, quản lý tại vị trí bãi tập kết, không được làm thất thoát, dịch chuyển đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “Đất để làm vật liệu sang lấp” đi nơi khác khi chưa được cho phép của Cơ quan chức năng có thẩm quyền.

+ Thống nhất việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 01 phương tiện đường thủy bằng gỗ biển kiểm soát AG-15783, trọng tải 15 tấn có gắn 01 động cơ Diesel D12 cho ông Trương Văn L.

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKSKG-P2 ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trương Hoài T về tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*” theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm luận tội và tranh luận: Bị cáo Trương Hoài T từ việc thành lập hộ kinh doanh PT mua bán xác cá, phé phẩm, phân bò, thu gom đất bùn làm nguyên liệu phân bón hữu cơ đã lợi dụng sự thiếu kiểm tra, quản lý của cơ quan chức năng để khai thác trái phép đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản tại 03 vị trí đất thuộc quyền sử dụng của bị cáo và mua của người dân để xuất bán cho 09 công ty với tổng khối lượng 76.888,26m², trị giá 6.843.342.664 đồng, nộp thuế Nhà nước 98.252.567 đồng, thu lợi bất chính số tiền 486.918.579 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát có đủ căn cứ giữ nguyên quan điểm Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLHS. Đề nghị xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện

khắc phục hậu quả nộp lại số tiền thu lợi bất chính để áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận bị cáo khắc phục hậu quả, nộp tiền thu lợi từ việc bán than bùn và tự nguyện bảo quản di chuyển số đất để làm vật liệu sang lấp được niêm phong tại bãi tập kết của bị cáo trả lại vị trí đã khai thác.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước các tang vật là phương tiện bị cáo dùng khai thác đất và trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị cáo theo quy định.

Đối với bà Mai Thị T1 (vợ bị cáo T), bị cáo đề bà Tuyết đứng tên hộ kinh doanh và kêu ký chứng từ, hóa đơn mua bán nhưng không có sự bàn bạc thống nhất về việc điều hành, chỉ đạo khai thác than bùn trái phép, hơn nữa quá trình hoạt động bà T1 thấy có nộp thuế cho Nhà nước đầy đủ nên không biết việc khai thác này là trái phép nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Còn lại những người làm thuê và các công ty mua sản phẩm của bị cáo không biết việc khai thác bán đất không có phép nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất về tội danh đối với bị cáo. Đề nghị xem xét, bị cáo có xin giấy phép Hộ kinh doanh nên mới thu gom đất phân và khai thác đất của mình đem phơi bán lại kiếm lời, quá trình hoạt động gần 02 năm không bị nhắc nhở, không bị xử phạt gì, thuế vẫn nộp đầy đủ nên không biết hành vi của mình là phạm pháp, đến khi bị khởi tố, được giải thích bị cáo mới biết là phạm tội. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả, hành vi của bị cáo cũng không gây hậu quả thiệt hại gì cho người khác, đất bị cáo khai thác chủ yếu không trồng trọt sản xuất được, người dân có nhu cầu cải tại để nuôi cá, trồng sen...từ đó cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ.

Bị cáo không có tranh luận và trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo đồng ý khắc phục hậu quả và xin nộp lại tiền thu lợi để được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trương Hoài T khai nhận: Lúc đi làm công nhân cho công ty, thấy việc thu gom, mua bán than bùn ở địa phương có lời nên bị cáo đã xin thành lập Hộ kinh doanh PT để thu gom đất phân và khai thác đất nhà của bị cáo và đất mua của một số người. Bị cáo tự đứng ra thuê mướn công nhân, thuê phương tiện, liên hệ bán cho các công ty nhưng do dễ thuận tiện cho việc ký các thủ tục giấy tờ bị cáo để tên vợ là Mai Thị T1 chủ hộ kinh doanh. Từ tháng 01 năm 2018, bị cáo bắt đầu khai thác đất cho đến khi bị lập biên bản là tháng 8 năm 2020, đất khai thác ở 03 vị trí, tổng khối lượng 35.293,875 tấn, đã bán nhiều lần tổng số tiền 6.550.171.146 đồng, còn lại 2.633,285 tấn đang bị niêm phong giao quản lý có giá trị 293.171.518 đồng. Số đất sau khi khai thác bị cáo đem về bãi tập kết phơi từ 08 tháng đến 01 năm thì vận chuyển đi bán, mỗi tháng thu lời được từ 10 đến 15 triệu đồng, bị cáo nộp thuế đầy đủ trên các hóa đơn bán hàng bằng 98.252.567 đồng, không bị nhắc nhở hay xử phạt gì nên bị cáo không biết là vi phạm pháp luật. Đến nay biết được hành vi mình thực hiện là phạm tội, bị cáo đã tự nguyện xin khắc phục hậu quả, nộp hết tiền thu lợi của mình.

[3] Xét về hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo Trương Hoài T là phù hợp với các tài liệu chứng cứ, lời khai người làm chứng đã được thẩm tra tại phiên tòa. Với hành vi vi phạm quy định về khai thác tài nguyên, khoáng sản không có giấy phép thuộc trường hợp tổng giá trị khoáng sản đã khai thác bằng 6.843.342.664 đồng như trên của bị cáo là đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật hình sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo vi phạm nghiêm trọng quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước, vi phạm Luật khoáng sản gây thiệt hại về kinh tế. Mặc dù có việc không phát hiện, xử lý kịp thời từ các cơ quan quản lý Nhà nước tại địa phương, để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép của bị cáo nhưng bản thân bị cáo phải biết rằng giấy phép kinh doanh bị cáo chỉ được thu gom đất

bùn làm nguyên liệu phân bón. Bị cáo đã không thực hiện đúng lĩnh vực được cấp phép, mà tổ chức máy móc, phương tiện, thuê nhân công thu gom, khai thác đất qua giám định là đất sét thông thường và thuộc nhóm khoáng sản “Đất, đá làm vật liệu xây dựng” với tổng khối lượng 76.888,26m² trong một thời gian dài như trên đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến quy hoạch quản lý về khai thác khoáng sản tại địa phương do đó bị cáo phải bị xử lý theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, cũng cần xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp lại tiền thu lợi và tích cực khắc phục hậu quả để từ đó quyết định cho bị cáo một mức án tương xứng, nhằm răn đe giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả và nộp lại số tiền thu lợi do hành vi phạm tội mà có cần áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS và xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về các biện pháp tư pháp: Bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi và tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền 500.000.000 đồng. Số tiền đã nộp sau khi trừ đi phần thu lợi bất chính còn lại 13.081.421 đồng, bị cáo xin tự nguyện nộp để khắc phục di chuyển đất sét bị niêm phong về vị trí khai thác.

[7] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đã được xử lý tại cơ quan điều tra là đúng quy định. Đối với xe ủi, máy xới, máy cày của bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đã thu giữ của bị cáo cần tuyên trả lại cho bị cáo. Khối lượng 2.633,285 tấn đất sét đã được niêm phong giao cho bị cáo quản lý buộc bị cáo thực hiện việc chuyển trả về vị trí đã khai thác ban đầu là phần đất mua của ông Dương Văn Ch2.

[8] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ áp dụng và mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị là phù hợp, HĐXX chấp nhận.

[9] Về quan điểm đề nghị của luật sư: Thống nhất về tội danh và đề nghị các tình tiết giảm nhẹ là phù hợp, về mức án đề nghị là chưa tương xứng, HĐXX không chấp nhận.

[10] Đối với những vấn đề khác của vụ án: Bà Mai Thị T1 (vợ bị cáo Thanh), do bị cáo để bà T1 đứng tên hộ kinh doanh và ký chứng từ, hóa đơn mua bán cho bị cáo, Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ để điều tra làm rõ vai trò đồng

phạm của bà T1 trong vụ án. Cơ quan điều tra xác định giữa bị cáo và bà T1 không có sự bàn bạc thống nhất về việc điều hành, chỉ đạo khai thác than bùn trái phép, hơn nữa quá trình hoạt động bà T1 thấy có nộp thuế cho Nhà nước đầy đủ nên không biết việc khai thác này là trái phép nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Còn lại những người làm thuê và các công ty mua sản phẩm của bị cáo không biết việc khai thác bán đất không có phép nên không bị xử lý là phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Trương Hoài T** phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”;

Xử phạt bị cáo **Trương Hoài T** 09 (chín) tháng tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

2. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

- Buộc bị cáo Trương Hoài T nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bằng 486.918.579 đồng, bị cáo đã nộp xong theo các biên lai thu số 0006444, ngày 10/6/2022; 0008681, ngày 16/5/2023 và 0009927, ngày 27/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Đối với số tiền còn lại 13.081.421đ (Mười ba triệu, không trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi một đồng) còn lại theo các biên lai trên hoàn trả lại cho bị cáo Trương Hoài T.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm: (01 (một) xe ỉ hiệu MITSUBISHI BD2F, màu vàng; 01 (một) máy xới hiệu YAMAR-3T80, màu đỏ và 01 (một) máy cày hiệu ISEKI TS2210, loại 2000, màu xanh (tất cả đã qua sử dụng, không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ hoặc giấy tờ chứng minh chủ sở hữu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

- Trả lại cho bị cáo Trương Hoài T các vật chứng gồm: 05 (năm) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất

(do vợ chồng bị cáo Trương Hoài T và bà Mai Thị T1 đứng tên chủ sở hữu) gồm:

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BR 312237, tổng số thửa đất 02 (thửa 19 và 19c), tổng diện tích 29282,0m², mục đích sử dụng chuyên trồng lúa nước (trong đó, thửa đất số 19, diện tích 14641 m² và thửa đất số 19c, diện tích 14641 m²) thuộc tờ bản đồ số 02, địa chỉ thửa đất: ấp Th, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang do ông Nguyễn Văn D (sinh năm 1971, nơi cư trú: khu phố Tr, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang) đứng tên chủ sở hữu được UBND huyện H cấp ngày 30/12/2013. Đến ngày 24/01/2019 ông D chuyển nhượng QSDĐ nêu trên cho vợ chồng bị cáo Trương Hoài T và bà Mai Thị T1 đứng tên chủ sở hữu được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H ký ngày 24/01/2019.

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 951607, diện tích 4501,6 m², mục đích sử dụng chuyên trồng lúa nước, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 133-2016, địa chỉ thửa đất: ấp Th, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang do bị cáo Trương Hoài T đứng tên chủ sở hữu được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 07/3/2017.

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 951731, diện tích 4688,9 m², mục đích sử dụng chuyên trồng lúa nước, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 134-2016, địa chỉ thửa đất: ấp Th, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang do bị cáo Trương Hoài T đứng tên chủ sở hữu được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 07/3/2017.

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 277264, diện tích 12718,3 m², mục đích sử dụng chuyên trồng lúa nước, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 140-2018, địa chỉ thửa đất: ấp Th, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang do vợ chồng bị cáo Trương Hoài T và bà Mai Thị T1 đứng tên chủ sở hữu được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/01/2019.

+ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 277267, diện tích 22828,6 m², mục đích sử dụng chuyên trồng lúa nước, thửa đất số 02, tờ bản đồ số 153-2018, địa chỉ thửa đất: ấp Th, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang do bà Mai Thị T1 đứng tên chủ sở hữu được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/01/2019.

03 (ba) giấy sang nhượng, mua bán đất viết tay giữa bị cáo Trương Hoài T với các hộ dân bán đất gồm:

+ 01 (một) giấy sang nhượng đất viết tay ngày 27/6/2016 giữa bị can Trương Hoài T với vợ chồng bà Nguyễn Thị K1 và ông Dương Văn P.

+ 01 (một) giấy mua bán đất viết tay ngày 21/02/2014 giữa bị can Trương Hoài T với ông Dương Văn Ch2.

+ 01 (một) giấy mua bán đất viết tay ngày 28/3/2014 giữa bị can Trương Hoài T với vợ chồng ông Dương Văn Ch2 và bà Trương Thúy H1.

(Theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 30/QĐ-VKSTKG-P2 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang).

- Buộc bị cáo Trương Hoài T có nghĩa vụ thực hiện việc di chuyển số vật chứng theo Quyết định xử lý vật chứng số 06/QĐ-CSĐT, ngày 17/02/2022 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang là: 2.596.515 tấn đất sét thông thường hiện đang để tại bãi tập kết của bị cáo Trương Hoài T thuộc ấp B, xã B1, huyện H, tỉnh Kiên Giang trả trở về vị trí đã khai thác thuộc đất của bị cáo mua từ ông Dương Văn Ch2.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trương Hoài T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2023)/.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (5);
- Người liên quan (1);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Diệu Hiền

- Lưu tòa hình sự (5).